TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2024
V/v ly hôn giữa
Bà B và ông C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

2. Ông Nguyễn Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm: 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Vân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Ông Võ Phú C, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Võ Phú C tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An. Bà và ông C chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà và ông C đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay nhưng vẫn không bên nào có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay, bà B xét thấy

không còn tình cảm với ông C và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông Võ Phú C.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Võ Nguyễn Trọng H, sinh năm 2005 và Võ Nguyễn Thảo S, sinh ngày 07/01/2016. Khi ly hôn bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu S, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Riêng Võ Nguyễn Trọng H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có

Do bận công việc nên bà Nguyễn Thị Bé B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Võ Phú C vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Bé B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Phú C. Ông C có nơi cư trú tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Võ Phú C đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt, bà Nguyễn Thị Bé B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Võ Phú C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà B, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân nhưng không bên nào có thiện chí hàn gắn tình cảm nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông C.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C không đến Tòa án, chứng tỏ ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà B để vợ chồng đoàn tụ, bà B cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã ly thân, bà B không còn tình cảm với ông C và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B và ông C đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà B yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé B.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do bà B cung cấp, bà B và ông C có 02 con chung là Võ Nguyễn Trọng H, sinh năm 2005 và Võ Nguyễn Thảo S,

sinh ngày 07/01/2016. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu S. Xét thấy, bà B là người đang trực tiếp nuôi cháu S và đã có cuộc sống ổn định, cháu S có nguyện vọng được sống với mẹ nên phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định cho bà B được tiếp tục nuôi cháu S. Riêng Võ Nguyễn Trọng H đã trưởng thành, bà Ba k yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông C không có văn bản trình bày vấn đề này, bà B xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Do ông C không có văn bản trình bày vấn đề này, bà B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Do ông C không có văn bản trình bày vấn đề này, bà B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

[2.6] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Võ Phú C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé B về việc "Ly hôn" với ông Võ Phú C.

1.Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé B được ly hôn với ông Võ Phú C.

2.Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bé B được tiếp tục nuôi cháu Võ Nguyễn Thảo S, sinh ngày 07/01/2016. Ông Võ Phú C không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Võ Nguyễn Trọng H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0010665 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- CCTHADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Nhung